**Richard Harding Davis**

Một cuộc đời được hộ mệnh

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Một cuộc đời được hộ mệnh](" \l "bm2)

**Richard Harding Davis**

Một cuộc đời được hộ mệnh

Cô yêu anh say đắm, đến mức khi anh lên đường đến một cuộc chiến tranh nhỏ mà đất nước của họ quan tâm đến, cô không thể hiểu được, cũng không thể hoàn toàn tha thứ cho anh.   
Làm phóng viên cho một tờ báo, Chesterton đã từng chứng kiến nhiều cuộc chiến tranh ; khi các dân tộc da vàng lao vào chém giết lẫn nhau, khi bọn tà giáo Thổ Nhĩ Kỳ tấn công nước Hy Lạp Thiên Chúa Giáo ; anh cũng đã từng chứng kiến cảnh chiến trường từ giữa một khối quân Anh, nơi anh đã luôn phải để ý từng giây từng phút để khỏi bị một con lạc đà nào đó đạp phải trong cơn hoảng loạn. Chuyện đó đã xảy ra trước khi anh gặp cô. Sau khi hai người quen nhau, cô đã nói với anh rằng những gì anh đã làm trước khi cô bước vào cuộc đời anh cô không thể phán xét. Nhưng lúc này, khi cuộc đời anh đã thuộc về cô, chuyện anh muốn ra trận phơi mình cho người ta bắn đối với cô thật tồi tệ. Còn hơn cả tồi tệ ; đó là một việc vô lý không thể chấp nhận được.   
Khi chiếc « Maine » bị đánh đắm ở vịnh Havana và từ « chiến tranh » xuất hiện từng giờ trong cơn hưng phấn cuồng nhiệt chung, cô Armitage giải thích suy nghĩ của cô.   
« Anh không được cho rằng, » cô nói, « em cũng giống như một trong số các cô bé ngốc ngếch sẽ van xin anh đừng tham gia chiến tranh. »   
Đúng lúc cô đang nói, tình cờ má cô chạm vào má anh, còn cánh tay của anh đang ôm lấy cô, vậy là anh liền từ tốn cúi xuống hôn cô, và thì thầm nhẹ nhàng đầy tự hào, « Không, em yêu. »   
Nghe thấy vậy cô vùng dậy nhích ra khỏi anh, cau mày.   
« Không ! Em không hề giống những con bé ngu ngốc đó một chút nào, » cô tuyên bố, « em chỉ nói với anh rằng anh KHÔNG THỂ ĐI ĐƯỢC ! Anh yêu ! » cô kêu lên tuyệt vọng. Cô biết lúc này sẽ chẳng từ ngữ nào nói hết được nỗi đau khổ của cô, nhưng nền giáo dục cô được hưởng đã không cho phép cô bày tỏ tình cảm của mình mãnh liệt hơn.   
« Anh yêu ! » cô nức nở. « Tại sao anh lại làm em sợ? Như thế đâu có giống anh, » cô trách móc anh. « Anh vốn rộng lượng, cao thượng như thế. Anh luôn luôn chỉ nghĩ đến người khác. Làm sao anh có thể nói đến chuyện tham gia chiến tranh - để bị giết - với em ? Nhất là lúc này, sau khi anh đã làm em yêu anh đến thế ? »   
Hai bàn tay cô giữ lấy ống tay áo anh. Những ngón tay, mà anh muốn được hôn lên hơn bất cứ đôi môi của bất cứ người phụ nữ nào khác từng tồn tại trên đời, níu lấy cánh tay anh. Vòng tay cô siết chặt lấy anh làm anh nhớ tới một đứa trẻ gần chết đuối anh đã cứu sống trước đây.   
« Nếu anh có làm sao, » Miss Armitage thì thầm. “Thì em biết làm thế nào! Thì em biết làm thế nào!”   
“Nhưng em yêu,” chàng trai trẻ kêu lên. “Em yêu quý nhất đời của anh! Anh CẦN phải đi. Đó là cuộc chiến tranh của chúng ta. Tất cả những người khác cũng sẽ đi,” anh phân trần. “Tất cả những người đàn ông em biết, cả họ cũng sẽ đi chiến đấu. Còn anh thì chỉ đi để nhìn thôi. Cũng còn đỡ tệ hơn ngồi lỳ ở nhà đúng không? Em phải thấy buồn nếu anh không ra trận.”   
“Buồn!” cô gái kêu lên. “Nếu anh yêu em…”   
“Nếu anh yêu em,” chàng trai trẻ lớn tiếng. Giọng của anh nghe như thể anh sắp đánh cô. “Làm sao em dám?”   
Cô từ bỏ ý tưởng này và đổi sang tấn công bằng một vũ khí khác có vẻ có lý hơn.   
“Nhưng tại sao lại trừng phạt em như thế?” cô phản đối. “Em có muốn cuộc chiến tranh này đâu? Em có muốn giải phóng Cuba đâu? Không! Em muốn có anh, và nếu anh đi, hiển nhiên những người như anh thế nào cũng bị giết. Anh quá to lớn - lại can đảm, và thế nào anh cũng lao mình vào những nơi giao tranh ác liệt nhất, và đến khi đó - đến khi đó anh sẽ chết.” Cô ngước mắt lên nhìn anh đăm đăm như thể đang cách xa anh lắm. “Và,” cô nói thêm như tiên đoán, “em cũng sẽ chết, hoặc em sẽ phải sống, phải sống mà không có anh trong nhiều năm trời, những năm dài ghê sợ.”   
E ngại, thận trọng như sợ rằng trong niềm vui hạnh phúc anh sẽ bóp nát cô trong vòng tay, chàng trai trẻ kéo cô lại gần rồi ôm chặt lấy cô. Sau một thoáng im lặng anh thì thầm. “ Nhưng, em biết rõ là không gì có thể xảy đến với anh. Không phải vào lúc này, khi Chúa đã cho anh yêu em. Chúa không thể tàn nhẫn đến thế. Người không thể đem đến cho anh hạnh phúc lớn lao như thế chỉ để lại giật đi khỏi tay anh. Một người yêu em, như anh yêu em, thì không gì có thể làm hại được. Và người đàn ông em yêu sẽ là người bất tử, không gì có thể đụng chạm tới. Anh ta có một cuộc đời được hộ mệnh. Chừng nào em còn yêu anh ta, anh ta buộc phải sống.”   
Đôi mắt cô gái trẻ mỉm cười với anh qua làn nước mắt. Cô hé môi cho anh hôn. “Vậy anh sẽ không bao giờ chết!” cô nói.   
Cô khẽ đẩy anh cách xa ra. “Nghe em nói!” cô thì thầm. “Những gì anh nói đều đúng. Chúng buộc phải đúng, vì anh luôn có lý. Em sẽ yêu anh để không gì bất trắc có thể tới với anh. Tình yêu của em sẽ là tấm bùa hộ mệnh cho anh. Nó sẽ luôn đeo trên cổ anh và bảo vệ anh, giữ gìn anh, và mang anh trở về với em. Khi anh gặp nguy hiểm tình yêu của em sẽ cứu thoát anh. Vì, chừng nào nó còn sống, em còn sống. Khi nó không còn nữa…”   
Chesterton vội hôn cô.   
“Khi đó,” anh nói, “bất cứ chuyện gì xảy đến cũng đều chẳng có ý nghĩa gì nữa.”   
Cuộc chiến đã diễn ra nhanh chóng và suôn sẻ, ngắn gọn và hào hùng, với “đủ vinh quang cho tất cả,” kể cả cho Chesterton. Vì chưa bao giờ trong các chiến dịch trước đây vận may lại khăng khăng quyết định luôn mỉm cười với anh như lần này. Trong mỗi khoảnh khắc nguy kịch, hào hùng, quan trọng của cuộc chiến, bằng một sự tình cờ may mắn nào đó anh luôn luôn có mặt để chứng kiến. Ngay cả khi chiếc tàu của anh bị đắm ở Cardenas, một chiếc tàu tuần dương Mỹ và hai pháo hạm Tây Ban Nha, dường như chỉ có mặt ở đó cho chàng phóng viên thủ lợi, lao vào một cuộc đấu pháo một mất một còn ngay trong tầm ống kính máy ảnh của chàng. Khi con ngựa của anh bị què trên đường hành quân, đội quân mà anh đã định đi cùng để lấy tin viết bài đã vượt lên trước, tiến tới mặt trận mà chẳng trải qua một cuộc đụng độ nào, trong khi đó toán hậu quân, mà số phận đã buộc anh phải nhập bọn, đã phải chiến đấu không ngừng qua nhiều trận đánh ác liệt để mở đường tiến lên.   
Giữa các lần gửi tin đi, khi không hát cho đồng đội nghe để ca ngợi những người đồng hương, hay ghi lại danh sách thương binh và những người tử trận, anh viết thư cho cô. Những bức thư của anh được viết trên giấy màu vàng, và nội dung chỉ lặp đi lặp lại ba từ “anh yêu em” được viết bằng đủ kiểu chữ, được đánh bóng, được tô đậm.   
Tất cả các lá thư đều mở đầu giống hệt nhau. “ Cuộc chiến vẫn tiếp diễn. Em có thể đọc được tin trên báo. Điều anh muốn em biết là anh yêu em như chưa người đàn ông nào đã từng yêu …” và điệp khúc êm đềm đó cứ thế lặp đi lặp lại trên hàng trang giấy.   
Từ phía cô chỉ có một lá thư duy nhất đến được tay anh. Lá thư này đã được nhặt lên trên cát ở Siboney sau khi đội quân y, trong khi nỗ lực dập tắt dịch sốt vàng da, đã phải đốt lều quân bưu.   
Lá thư đó cô đã viết cho anh từ vài tuần trước từ ngôi nhà nghỉ hè ở Newport, trong đó cô đã viết: “ Lúc anh lên đường ra mặt trận, em đã nghĩ không thể có người phụ nữ nào yêu say đắm hơn em yêu anh lúc đó. Nhưng bây giờ em đã biết là có thể. Ít nhất em biết có một cô gái có thể yêu như thế. Cô ấy không thể viết được ra giấy tình cảm của mình. Cô ấy cũng chẳng thể bao giờ nói được hết với anh. Anh chỉ có thể tin như vậy thôi.   
“Mỗi ngày trôi qua em đều nhận được tin anh, vì mỗi khi báo được gửi tới, em đều mang ra bờ đá và đọc các tin của anh, và em nhìn về phía nam qua biển về hướng Cuba, cố hình dung ra anh trong các trận chiến, trong cái nóng, trong dịch sốt. Nhưng em không sợ. Vì mỗi sớm mai thức giấc em đều thấy yêu anh hơn; tình yêu của em dành cho anh đã trở nên mạnh mẽ hơn, kỳ diệu hơn, sâu nặng hơn đến khó nói thành lời. Và em biết chiếc bùa hộ mệnh em trao cho anh cũng mạnh mẽ hơn, và nó sẽ mang anh trở về với em, đầy vinh quang, “mang theo cả vòng nguyệt quế của anh cùng với anh.   
“Nghe như thể em bận tâm nhiều lắm đến những vinh quang mới của anh. Nhưng em muốn ANH, ANH, và chỉ ANH thôi.”   
Khi Santiago đầu hàng và đạo quân tấn công ngừng chiến để thương thảo các điều kiện cho hoà bình, và cố dập tắt dịch sốt, còn tướng Miles chuyển tới Porto Rico, Chesterton cũng theo ông.   
Tại hòn đảo nhỏ xinh đẹp đó, một đội quân chính quy dưới sự chỉ huy của một viên tướng, sau một cuộc tập kích ban đêm, đã đẩy bật quân Tây Ban Nha khỏi Adhuntas. Vào buổi chiều hôm sau khi đội quân này đang chuẩn bị hành quân, mọi người đang hối hả đứng vào hàng thì một viên sĩ quan tình nguyện trực thuộc bộ tham mưu xuất hiện cưỡi ngựa phi dọc con đường chính của Adhuntas, cả người mồ hôi nhễ nhại bê bết bụi, với vẻ hùng dũng uy quyền của một viên thống chế, giơ tay cao lên thông báo.   
“Tướng Miles gửi lời khen ngợi các ngài,” anh ta nói hổn hển, “ hoà bình đã được ban bố.”   
Mỗi người đón nhận tin ngừng chiến với một cách khác nhau. Một số tung mũ lên trời hoan hô ầm ĩ. Những người thấy triển vọng thăng cấp hay cơ hội tạo dựng sự nghiệp theo đường quân ngũ thế là tan biến bực dọc chửi rủa. Chesterton vớ ngay lấy chiếc túi đi trận của anh và bắt đầu phân phát của nả của mình cho mọi người trong đám lính. Sau một hồi, đồ đạc còn lại của anh gồm mấy bộ quần áo, chiếc máy ảnh, bi đông nước, và túi thuốc cá nhân. Trong trạng thái sức khoẻ và tinh thần hiện tại của mình, anh không hề tin rằng mình cần đến sự trợ giúp của thuốc men, nhưng đây là một món quà của cô Armitage, mà anh đã hứa sẽ luôn mang theo bên mình. Trong suốt cả chiến dịch nó đã không rời khỏi anh lấy một giây và đã chứng to sự hữu dụng của mình với không ít người khác.   
“Tôi thấy là cậu chuẩn bị rời bỏ chúng tôi,” một sĩ quan nói, không khỏi thèm muốn được như anh.   
“Tôi sẽ rời khỏi các vị nhanh đến mức,” Chesterton phá lên cười trả lời, “ các vị thậm chí sẽ chẳng thấy bụi bay lên. Có một chiếc tàu vận tải sẽ nhổ neo ở Mayaguez vào lúc sáu giờ sáng mai, và, nếu tôi không bắt kịp nó, con ngựa này sẽ chết trên cầu tàu.”   
“Con đường dẫn tới Mayaguez không an toàn cho người Mỹ lắm đâu,” viên tướng chỉ huy nói. “Tôi không nghĩ tôi có thể để anh đi. Đối phương vẫn chưa biết tin đình chiến, và vẫn còn rất nhiều lính dân quân…”   
Chesterton lắc đầu ngỡ ngàng đến tội nghiệp.   
“Không để tôi đi!” anh kêu lên. “Thưa tướng quân, ở đây ngài không có đủ người để ngăn tôi đâu, còn về bọn Tây Ban Nha và đám dân quân…! Tôi đang phát ốm vì nhớ nhà đây,” chàng trai trẻ kêu lên. “Nỗi nhớ nhà đang dày vò tôi khốn khổ đến mức chắc tôi sẽ chết vì nó trước khi con tàu vận tải kia cập bến Sandy Hook.”   
“Nếu anh bị bắn hạ trên đường,” viên tướng hầm hừ phản đối, “thì tình trạng của anh bạn lúc đó sẽ còn tệ hơn bệnh nhớ nhà nhiều. Mayaguez cách đây đến bốn mươi dặm. Tốt nhất nên đợi đến sáng mai. Sau khi đã sống sót qua cả cuộc chiến, chết như thế lúc này không phải là ngớ ngẩn hay sao?”   
“Nếu tôi không bắt kịp chiếc tàu vận tải đó thì chắc chắn tôi SẼ chết mất,” Chestertion phá lên cười. Anh cúi đầu về phía trước, tay đang tóm lấy đai yên. Có vẻ sự cố gắng đã làm nước da của anh hơi tối đi một chút, “nhưng không gì khác có thể giết được tôi! Tôi có bùa hộ mệnh, thưa tướng quân,” anh giải thích.   
“Thế mà chúng tôi đã không để ý thấy,” viên tướng nói.   
Đám sĩ quan tham mưu, theo đúng thông lệ, phá lên cười.   
“Không phải loại bùa hộ mệnh đó đâu,” Chesterton đáp, “Xin tạm biệt tướng quân.”   
Con đường thực ra chẳng hơn một lối mòn là bao, nhưng ánh trăng sáng vằng vặc như ban ngày, xuyên qua các bụi dây leo làm in xuống đất những bóng đen lay động; còn ở trên cao, những tàu lá cọ nhẵn nhụi long lanh như dát bạc. Khi lao vào rừng đêm sâu thẳm mát mẻ, Chesterton đưa hai tay lên cao cảm ơn Chúa vì anh đang trở về với cô. Vận may đi theo anh trong suốt chiến dịch đã ở bên anh tới cùng. Nếu anh buộc phải đợi tàu vận tải, hẳn mỗi giờ trôi qua sẽ như cả một tháng ròng dày vò tra tấn, một khoảng trống cằn cỗi, vô vị trong cuộc đời anh. Còn lúc này, từng nước kiệu nhẹ nhàng của El Capitan, chú ngựa Porto Rico nhỏ bé của chàng phóng viên, đưa anh gần lại cô hơn. Chàng phóng viên cảm thấy hạnh phúc đến mức trong khi thúc ngựa băng qua bóng tối của rừng đêm hay dưới ánh trăng anh reo lên phấn khởi và hát lớn tiếng; và vừa thúc El Capitan lao nhanh hơn nữa, anh vừa giải thích bằng những lời nói vui vẻ, ngắt quãng vì sao anh thúc giục nó hối hả đến vậy.   
“Vì cô ấy là một cô gái tuyệt vời và là người đẹp nhất trên đời,” anh reo lên, “cô gái lộng lẫy nhất trên toàn thế giới! Và, nếu ta bắt cô ấy chờ đợi, cho dù chỉ một giây thôi, El Capitan, ta sẽ không còn xứng đáng với nàng … và ta có thể mất nàng! Anh bạn thấy đấy, chúng ta phải vội vã vì một cái đích đáng giá!”   
Toán quân Tây Ban Nha bị đẩy lui khỏi Adhuntas vào buổi tối hôm trước, lúc này hoàn toàn chưa biết gì về tin đình chiến, đã chiếm lĩnh cả hai bên thung lũng mà con đường dẫn tới Mayaguez chạy ngang qua, và hai người được cử ra cảnh giới phục kích bên đường. Một người là một tay thiện xạ trong đội quân tinh nhuệ của Guardia Civile, người kia là một tay thượng sĩ thuộc trung đoàn đang ẩn kín sau các quả đồi. Nếu quân Mỹ tiến về phía Mayaguez, hai người này cần đợi cho đến khi đội quân tiền trạm đến ngang vị trí của họ thì nổ súng. Tiếng súng của họ sẽ là tín hiệu để toán quân chủ lực ẩn trên các ngọn đồi lao xuống để trả món nợ ở Adhuntas.   
Chesterton đang hối hả phi nước đại, nhưng, đúng đến lúc anh đi tới chỗ hai người đang nằm phục kích, chàng phóng viên ghì cương hãm El Capitan đi chậm lại, và tận dụng lúc nghỉ ngơi này để châm một tẩu thuốc. Anh đã nhét xong thuốc vào tẩu, và lúc này đang thò tay vào khoắng trong túi để tìm hộp đựng diêm. Đó là một chiếc hộp đựng diêm bằng gỗ bình thường người ta có thể mua ở bất cứ đâu, đựng đầy ắp những que diêm, với giá một penny. Nhưng đây là một tài sản quý giá nhất. Vào những ngày anh mới bắt đầu làm quen với cô Armitage, cô đã đưa anh hộp diêm này khi hai người chuẩn bị làm một chuyến đi chơi bằng motor.   
“Tại sao vậy?” anh hỏi.   
“Anh luôn luôn quên mang diêm, » cô trả lời giản dị, “ và luôn luôn phải hỏi xin.”   
Những người khác có mặt trên xe, chỉ cho rằng đây là một lời trách móc, đều phá lên cười châm biếm, nghe thấy tiếng cười cô gái ngạc nhiên ngước mắt nhìn lên. Chesterton, trông thấy cái nhìn của cô, hiểu rằng cử chỉ của cô, cho dù nhỏ nhặt, là thực sự chân thành, hoàn toàn do quan tâm đến sự thoải mái của anh. Và anh đã tự hỏi mình tại sao cô gái trẻ này lại quan tâm đến sự thoải mái của anh như vậy, và tại sao sự quan tâm ấy lại khiến anh cảm thấy hạnh phúc đến thế. Và anh đã quả quyết rằng đó là do cô yêu anh và anh yêu cô.   
Sau khi đi tới kết luận như vậy, anh đã cầu hôn cô, và ghi lại ngày giờ đó lên hộp diêm. Từ đó, cô đã tặng cho anh nhiều món quà xinh xắn, có khắc hai chữ cái đầu tên họ của cô, có khắc câu châm ngôn mà anh ưa thích, hay những câu chữ thần bí chẳng có nghĩa gì với bất cứ ai khác ngoài họ. Nhưng chiếc hộp diêm bằng gỗ này vẫn là kỷ vật quý giá nhất.   
Khi anh bắt đầu phi ngựa vào thung lũng, ánh trăng chiếu thẳng xuống anh, tàn nhẫn biến anh thành một mục tiêu ngon ăn cho hai người lính chẳng khác gì một người bị quây chặt giữa một vòng ánh đuốc của những kẻ truy đuổi.   
Hai gã lính da dẻ sạm nắng thận trọng tiến lên dưới sự che chở của các bụi cây. Rồi cả hai dừng lại, khẩu súng trường của tay thượng sĩ hơi vung lên. Khi gã lên tiếng, giọng nói của gã đầy vẻ thất vọng.   
“Hắn ta là một tên do thám đi lẻ, » gã nói.   
“Đó là một tên sĩ quan,” tay thiện xạ đáp đầy phấn khích. “Những tên khác sẽ theo sau. Chúng ta cần bắn hắn ngay để làm hiệu.”   
“Hắn không phải là sĩ quan, hắn chỉ là một tên do thám đi dò đường thôi,” gã thượng sĩ lặp lại. “Bọn chúng phái hắn đi trước xem xét con đường và tìm kiếm dấu vết chúng ta. Hắn có thể đã vượt trước đám quân chính đến cả dặm. Nếu chúng ta bắn hắn, chúng ta sẽ chỉ đánh động bọn còn lại.”   
Chesterton chỉ còn cách năm chục yard. Sau một hồi tìm kiếm hối hả và đầy lo lắng, anh đã tìm thấy hộp diêm trong một túi áo khác. Đôi mắt gã thiện xạ nheo lại nhìn qua khe ngắm. Tỳ má vào báng súng gã thì thầm qua góc miệng, “Hắn là một tên sĩ quan! Tôi đang ngắm vào chỗ hai chiếc đai bắt chéo qua ngực hắn. Ngài nhằm vào thắt lưng. Chúng ta cùng bắn một lúc.”   
Cái nóng của buổi đêm miền nhiệt đới cùng cuộc phi nước đại vội vã làm El Capitan ướt đẫm mồ hôi. Mồ hôi của con ngựa thấm ướt dây cương. Và đôi găng tay Chesterton đang dùng cũng theo đó ướt lây. Khi anh cầm hộp diêm lên nó tuột khỏi tay anh và rơi không một tiếng động xuống con đường mòn. Kêu lên bực bội, anh nhảy xuống đường, quỳ xuống và bắt đầu hối hả lần mò tìm kiếm trong đám bụi đất.   
Gã thượng sĩ giơ tay giữ lấy khẩu súng của tay thiện xạ và ấn nó xuống.   
“Nhìn xem!” gã thì thầm. “Hắn ta là một tên do thám. Gã đang xem xét con đường để tìm vết chân ngựa chúng ta để lại. Nếu mày bắn đồng bọn của hắn cho dù ở cách xa hàng dặm cũng sẽ nghe thấy. »   
« Nhưng nếu hắn tìm thấy dấu vết của chúng ta và quay trở lại… »   
« Ta sẽ để hắn đi qua về phía trước, » gã gằn giọng. « Hắn sẽ không bao giờ quay lại. »   
Chesterton sờ thấy hộp diêm đã bị vùi một nửa, và trong lúc lo sợ sẽ đánh mất nó lần nữa, anh cẩn thận nhét nó thật sâu vào trong túi áo khoác.   
« El Capitan, anh bạn khó có thể biết ta vừa thoát khỏi tai hoạ lớn thế nào. » anh hổn hển nói với con ngựa, trong khi nhảy lên yên và tiếp tục thúc nó phi nước đại về phía trước. « Suýt nữa ta đã đánh mất nó. »   
Đến chừng nửa đêm chàng kỵ sĩ và chú ngựa đến bên một cây cầu gỗ bắc ngang qua một khe núi sâu chừng bốn mươi bộ, dưới đáy khe là một dòng suối sủi bọt chảy xiết qua những khối đá ngầm và những tảng đá nổi lên trên mặt nước ở chỗ cạn. Ngay cả trước khi chiến dịch bắt đầu, cây cầu cũng đã quá tuổi phục vụ từ lâu, và tải trọng nặng nề không hề được tính đến của những cỗ đại bác, những rung động do bính lính hành quân qua đã làm nó xuống cấp đến mức lúc này cây cầu chỉ còn đứng lay lắt như một toà lâu đài dựng bằng quân bài. Bị chính trọng lượng của bản thân đe doạ làm sụp đổ bất cứ lúc nào, trong khi chờ cơn bão nhiệt đới đầu tiên cho nó phát súng ân huệ, cây cầu chông chênh trở thành chiếc bẫy chết người cho kẻ đầu tiên góp thêm trọng lượng của mình vào gánh nặng nó đang phải chịu.   
Chỉ vừa đặt bốn chân lên cầu, El Capitan lồng lên, nhảy dựng và lao trở lại mặt đất cứng. Cú thụt lùi bất ngờ của con ngựa làm Chesterton suýt ngã, nhưng anh vẫn ngồi vững trên yên, và đạp mạnh cựa thúc ngựa vào sườn con vật, anh kéo đầu nó quay trở lại phía cầu.   
"Bây giờ anh bạn lại giở trò gì ra nữa đây?" anh bực mình. "Đó là một cây cầu chắc chắn mà."   
Trong một phút người và ngựa vật lộn để cố làm theo ý mình, con ngựa quay mòng mòng từng vòng ngắn, kỵ sĩ ghì cương, giật cương, thúc vào sườn con ngựa bằng bàn chân và đinh thúc. Thêm hai vòng như thế nữa và lợi thế có phần hơi nghiêng về El Capitan, vì con ngựa không bị thúc lại gần cầu.   
Đêm đó trời khá nóng và cuộc hành trình đã khá cực nhọc. Chesterton, mệt mỏi và nóng ruột, dừng lại để lấy hơi và lấy lại bình tĩnh. Phía dưới anh, dưới đáy khe, làn nước nông của bãi cạn làm chàng phóng viên chú ý, hứa hẹn một giải pháp dễ chịu có thể thoả mãn cả người lẫn ngựa. Anh cúi xuống nhìn và nhận ra có cái gì đó treo lơ lửng trên mặt nước từ một cành thấp của một thân cây chết, trông xa như một con chim màu trắng. Anh biết đó là một giò phong lan, một loài phong lan cực hiếm, và cũng biết rằng phong lan là loại hoa cô Armitage thích nhất. Chàng phóng viên lập tức xuống ngựa, tay cầm cương, lội xuống khe suối, kéo El Capitan theo sau anh. Anh cậy giò phong lan ra khỏi cành cây, rồi gói nó cùng với đất ẩm và cỏ vào trong chiếc túi da đựng máy ảnh. Bản thân chiếc máy anh bỏ lại. Anh luôn có thể mua cho mình một chiếc máy ảnh mới; nhưng khó có thể có cơ hội kiếm được một giò phong lan trắng, mang về từ giữa rừng già nhiệt đới vào đúng đêm hoà bình được ban bố, để tặng cho người con gái đang chờ đợi anh. Chàng phóng viên lội qua khe suối, theo sau là El Capitan, vưà cúi xuống làn nước mát vừa mừng rỡ làm dịu cơn khát của mình. Sau đó, với chiếc túi đựng máy ảnh lủng lẳng đeo trên vai, anh thúc ngựa phi nước đại lên bờ khe đối diện và vòng trở lại con đường mòn.   
Một phút sau, chiếc cầu, không thể chống đỡ lâu hơn nữa sau cú đạp của El Capitan, sụp xuống lòng khe và vỡ nát ra từng mảnh trên những khối đá bên dưới. Nghe tiếng kêu răng rắc và tiếng đổ sập sau lưng, Chesterton đoán hẳn trong rừng có một thân cây vừa đổ xuống.   
Anh đã khởi hành lúc sáu giờ chiều và đến lúc này đã vượt qua hai mươi trong số bốn mươi dặm đường ngăn cách Adhuntas và Mayaguez, thì đột nhiên, ngay ở rìa ngôi làng nhỏ Caguan, El Capitan vấp ngã, và khi con ngựa cố gượng đau vùng dậy, nó lập tức lại gục xuống.   
Caguan có một nhà thờ nhỏ, một quán trọ có dàn nho leo phủ kín, chừng một tá những ngôi nhà một tầng tường đất, sáng lên dưới ánh trăng như những nhà mồ quét vôi trắng. Tất cả dãy nhà nằm quay ra một bãi rộng cỏ mọc um tùm, giữa bãi trồng một cây thánh giá lớn bằng gỗ. Ở một góc làng có một dãy chuồng nhốt đầy ngựa. Nhìn thấy chúng, Chesterton reo lên nhẹ nhõm. Một luồng sáng lọt ra từ cánh cửa đang đóng của quán trọ, và khi Chesterton lấy roi ngựa gõ lên cánh cửa, từ những ngôi nhà tường đất ánh đèn lần lượt sáng lên, đồng thời một bóng người vận đồ trắng xuất hiện dưới ánh trăng. Chủ quán trọ là một người Tây Ban Nha, béo tốt và trông có vẻ khá giả, nhưng lúc này khuôn mặt ông ta thiểu não buồn phiền và khổ sở đến mức lập tức chàng trai trẻ, luôn hoà bình với tất cả mọi người, cảm thấy thông cảm với ông ta. Người Tây Ban Nha ngược lại có vẻ ít thân thiện hơn. Khi ông nhìn thấy bộ quần áo kaki và chiếc mũ lính chàng phóng viên đang đội người chủ quán liền sầm mặt lại khó chịu và đã định cục cằn đóng sập cửa lại. Chesterton vừa xin lỗi vừa đẩy cửa ra lần nữa. Anh giải thích rằng con ngựa của anh đã bị què, mà anh thì lại cần một con ngựa, và ngay lập tức. Người chủ quán nhún vai. Lúc này là thời chiến, ông ta nói, và người sĩ quan Mỹ có thể lấy bất cứ thứ gì anh ta muốn. Dân làng Caguan không phải là dân quân và sẽ không chống lại. Chesterton vội vàng thanh minh. Chiến tranh, anh thông báo, đã kết thúc và cho dù nó có chưa kết thúc thì anh cũng không phải là sĩ quan để có quyền trưng dụng ngựa. Anh chỉ định mua ngựa. Anh cởi thắt lưng ra và đặt lên mặt bàn một vốc tiền Tây Ban Nha. Người chủ quán hạ ngọn nến đang cầm xuống và lặng lẽ đếm những đồng tiền vàng, sau đó gọi hai người khác tới, cả ba cùng đi qua bãi trống về phía chuồng ngựa.   
"Con lợn Mỹ này," người chủ quán thì thầm, " muốn mua một con ngựa. Hắn nói với tôi là chiến tranh đã chấm dứt, và Tây Ban Nha đã đầu hàng. Chúng ta biết đó chỉ là dối trá. Chắc hẳn đây là một tên đào ngũ. Hắn tự giới thiệu là thường dân, nhưng đây cũng chỉ là một lời bịa đặt nữa, vì hắn mặc quân phục. Cậu, Paul, hãy bán con ngựa của cậu cho hắn, sau đó đợi hắn ở khúc quanh đầu tiên của con đường, và lấy lại con ngựa."   
"Hắn có vũ khí," người có tên Paul phản đối.   
"Cậu không được để hắn có thì giờ rút súng ra," người chủ quán ra lệnh. "Cậu và Pedro sẽ nấp trong bóng tối bắn hạ hắn. Hắn là kẻ thù của đất nước chúng ta, và đó là một việc làm chính nghĩa. Và có thể hắn mang theo tin khẩn. Nếu chúng ta mang những thư tín đó đến cho viên chỉ huy ở Mayaguez ông ta sẽ thưởng công chúng ta."   
"Thế còn số tiền vàng?" người tên là Paul hỏi lại.   
"Chúng ta sẽ chia thành ba phần," người chủ quán đáp.   
Phía trước quán trọ, bị bao quanh bởi một đám người nghi ngờ thập thò theo dõi, Chesterton đang tháo yên khỏi lưng El Capitan và xem xét chân trước bị què của con ngựa. Không nghiêm trọng lắm. Chỉ một tuần là đâu lại vào đấy, nhưng tối nay thì con ngựa này đã trở nên vô dụng. Sốt ruột, Chesterton gọi với qua bãi trống, giục người chủ quán khẩn trương lên. Anh đang nôn nóng muốn lên đường, bồn chồn lo lắng, chỉ sợ rằng sự cố này sẽ khiến anh lỡ tàu. Ý nghĩ này quả là không thể chấp nhận được. Nhưng đồng thời anh cũng ý thức được lúc này bản thân anh đã đói ngấu, và là một người đã trải qua nhiều chiến dịch, không có chuyện anh đánh liều ôm bụng rỗng tiếp tục cuộc hành trình. Với hy vọng có thể tìm thấy gì đó mang theo để vừa đi vừa ăn, anh bước vào trong quán trọ.   
Gian buồng chính của ngôi nhà tối om, nhưng một căn phòng nhỏ hơn thông với nó được nến thắp sáng, một cây thánh giá treo trên tường. Dưới ánh nến, Chesterton nhìn thấy một chiếc giường, một linh mục đang cúi xuống giường, bên cạnh là một người phụ nữ đang quỳ gối, nằm trên giường là một đứa bé trai đang vật vã rên rỉ. Trong khi Chesterton do dự dừng bước đứng đợi, vị linh mục đi qua trước mặt anh, bằng một giọng khàn đục buồn bã và mệt mỏi, ông ra lệnh cho những người đứng ngoài cửa đi tìm người chủ quán. Trong khi một trong những người này chạy về phía chuồng ngựa, vị linh mục nói với những người còn lại: "Lại một cơn nữa. Ta đã mất hết hy vọng."   
Chesterton tiến lên hỏi liệu anh có thể giúp gì được không. Người linh mục lắc đầu. Đứa trẻ, ông nói, là đứa con trai duy nhất của chủ quán, rất được ông cũng như dân làng yêu mến. Cậu bé đã ốm đến tuần thứ ba vì sốt thương hàn và đã đến giai đoạn xuất huyết. Trừ khi họ có thể ngăn chạn được sự xuất huyết, đứa trẻ sẽ chết, và người linh mục, thầy thuốc duy nhất trong suốt nhiều dặm của vùng đất rừng núi hẻo lánh này, đã dốc cạn kho thuốc nghèo nàn của ông.   
"Không gì có thể ngăn chặn được sự xuất huyết," ông mệt mỏi than phiền, "trừ những loại thuốc mạnh nhất. VÀ tôi lại chẳng có gì cả!"   
Chesterton chợt nhớ tới túi thuốc cô Armitage đã ép anh mang theo. "Tôi đã từng cho những người bị ỉa chảy uống opium," anh nói. "Không biết opium có thể giúp gì cho ngài không?"   
Vị linh mục lao tới lôi chàng phóng viên ra ngoài cửa tới chiếc túi treo bên yên ngựa của anh.   
"Các con của ta," ông reo lên, nói với nhóm người đang đứng lặng im ngoài bãi, "Chúa đã gửi đến một phép màu!"   
Sau một giờ túc trực bên giường bệnh, người linh lục nói, "Cậu bé sẽ sống," và quỳ xuống, bà mẹ đứa trẻ cùng những người dân làng khác cũng quỳ theo. Khi Chesterton đưa mắt nhìn lên, anh nhận ra người chủ quán, vẫn lặng lẽ dõi theo hai người khi họ vật lộn với cái chết để cứu con trai mình, lúc này đã biến mất. Nhưng anh nghe thấy tiếng vó ngựa rời xa dần khỏi làng theo con đường tới Mayaguez, con ngựa có vẻ lao đi rất vội vã.   
Người linh mục bước ra ngoài trời đầy ánh trăng. Trong sự bình phục của đứa trẻ ông chỉ nhận ra hiệu quả của những lời cầu nguyện và không để mất thời gian trong việc truyền lại niềm tin này cho đàn con chiên của ông. Giữa những lời thì thầm ngạc nhiên và biết ơn, Chesterton tiếp tục cuộc hành trình. Anh đã gửi El Capitan lại cho người linh mục chăm sóc. Anh cũng để lại cho ông số tiền vàng dùng để mua con ngựa mới.   
Cách làng một phần tư dặm, ba bóng người mặc đồ trắng tiến lại gặp anh. Hai người dừng lại trong bóng tối, nhưng người chủ quán, cưỡi trần trên lưng một con ngựa vẫn còn đang thở dốc sau khi vừa phải gắng sức, cất tiếng gọi anh dừng lại.   
"Theo phong tục của đất nước chúng tôi," ông ta trịnh trọng bắt đầu," chúng tôi đã theo ngài tới đây để chúc ngài thượng lộ bình an." Và theo kiểu cách của người Mỹ ông chủ quán bắt tay Chesterton. "Xin cảm ơn ngài, senor," ông nói khẽ.   
"Đừng cảm ơn tôi," Chesterton đáp. "Hãy cảm ơn người đã ép tôi phải mang túi thuốc này bên mình. Hãy cảm ơn cô ấy, vì tối nay tôi nghĩ nó đã giúp cứu sống một mạng người."   
Người Tây Ban Nha nhìn chàng tò mò, vừa chăm chăm nhìn vừa trầm tư nghĩ ngợi. Cuối cùng ông mỉm cười nghiêm trang.   
"Ngài có lý," ông đáp. "Chúng ta hãy cùng nhớ đến nàng trong mỗi lời cầu nguyện."   
Trong khi Chesterton thúc ngựa đi, những lời nói ấy vẫn ghi sâu trong trí nhớ anh, làm tâm trí chàng trai trẻ tràn đầy những ý nghĩ vui vẻ. "Thế giới này," chàng cảm động, " luôn đầy ắp những tâm hồn cao thượng và nhân hậu."   
Sau vài chậm trễ nữa, cuối cùng anh cũng tới Newport, và hai người liền tách riêng trốn ra khỏi những người khác, cô Armitage và anh lao theo bãi cỏ đến vách đá, đứng bên nhau với những ngọn sóng rì rào thì thầm dưới chân họ.   
Đó là một khoảnh khắc mà cả hai vẫn thường ao ước, vẫn thường tự dằn vặt mình bằng cách sống trong tưởng tượng, đến lúc này, khi khoảnh khắc ấy đã thuộc về họ, họ vẫn lo sợ không dám tin là thực.   
Cuối cùng, anh lên tiếng. "Và chiếc bùa hộ mệnh đã không bao giờ mất thiêng! Điều đó thực là kỳ diệu! Nó đã luôn ở bên anh đến mức quá hiển nhiên. Chẳng hạn như buổi tối trước San Juan, trong cối xay ở El Poso, anh đã ngủ trong cùng một túi ngủ với một phóng viên khác. Anh tỉnh giấc khỏe như vâm, thèm thịt muối với cà phê đến cồn cào, còn cậu ta thì mê sảng, sốt nóng như lò than. Một lần khác, anh đang đứng bên khẩu đội của Capron ở El Caney, thì một mảnh trái phá đã giết chết cả ba người của khẩu đội đó, chỉ chừa ra có mình anh. Và một lần khác nữa..." Anh dừng lại. "Dù sao," anh phá lên cười," anh vẫn còn đây."   
"Nhưng đã có một buổi tối, một buổi tối khủng khiếp," cô gái bắt đầu. Cô run rẩy, và anh thấy có thêm một lý do để kéo cô sát vào anh hơn. "Khi mà em cảm thấy anh đang gặp tai hoạ, rằng chắc chắn anh sẽ chết. Và suốt đêm hôm đó em đã quỳ bên cửa sổ, nhìn về phía Cuba và cầu nguyện, cầu Chúa hãy để anh được sống."   
Chesterton cúi xuống hôn những ngón tay cô. Sau đó anh hỏi:"Em còn nhớ đó là đêm nào không? Thật tò mò nếu anh đã..."   
"Em còn nhớ không ư?" cô gái kêu lên. "Vào tám ngày trước. Buổi tối ngày mười hai. Một đêm khủng khiếp!"   
"Ngày mười hai!" Chesterton kêu lên ngạc nhiên, anh phá lên cười rồi vội xin cô thứ lỗi. "Anh cười bởi vì tối ngày mười hai," anh giải thích," chính là buổi tối mà hoà bình được ban bố. Chiến tranh đã chấm dứt. Anh xin lỗi em, nhưng tối hôm ấy anh đang trên đường trở về với em và chỉ nghĩ đến em. Anh đã chẳng hề gặp nguy hiểm nào, cho dù trong khoảnh khắc."   
Hết

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Dịch và đánh máy: seahawk1  
Nguồn: vnthuquan.net/diendan  
Được bạn: ms đưa lên  
vào ngày: 18 tháng 10 năm 2004